

Số: **01** /2022/QCPHLN/
CTHADS - VKSND - TAND - CA

Hải Dương, ngày **27** tháng 6 năm 2022

QUY CHẾ

Phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2022);

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự; Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự số 14/2013/QCLN/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an;

Để tăng cường sự phối hợp trong công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và Công an tỉnh Hải Dương thống nhất ban hành Quy chế phối hợp liên ngành như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp liên ngành giữa Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và Công an tỉnh Hải Dương trong công tác thi hành án dân sự.

Điều 2. Mục đích của việc phối hợp

1. Tăng cường trách nhiệm, năng lực tổ chức thực hiện và sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

2. Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất từ tỉnh đến các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác thi hành án dân sự trên địa bàn.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của liên ngành cấp trên.
2. Chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời và hiệu quả.
3. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động thường xuyên của các cơ quan có liên quan.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến trực tiếp, qua thư điện tử hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.
4. Thành lập các đoàn công tác liên ngành.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Phối hợp trong việc hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án dân sự; chuyển giao và nhận bản án, quyết định

1. Toà án nhân dân tỉnh thực hiện, hướng dẫn hoặc chỉ đạo Toà án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Toà án nhân dân cấp huyện) ghi nhận và giải thích cho đương sự về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự; cấp, chuyển giao bản án, quyết định theo đúng quy định tại Điều 26, 27, 28 Luật Thi hành án dân sự cho cơ quan thi hành án dân sự kịp thời, đầy đủ.

2. Bản án, quyết định sơ thẩm được chuyển giao cho Cơ quan thi hành án cùng cấp phải được đóng dấu “án có hiệu lực pháp luật”. Trường hợp trong bản án, quyết định sơ thẩm chỉ có một phần bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì khi chuyển giao bản án, quyết định Toà án gửi kèm thông báo đối với phần bản án, quyết định bị kháng cáo hoặc kháng nghị.

3. Cục Thi hành án dân sự tỉnh thực hiện và chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Chi cục Thi hành án cấp huyện) thực hiện đầy đủ các thủ tục về nhận bản án, quyết định theo quy định tại Điều 29 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đối với các bản án, quyết định hình sự có liên quan đến phần tiền, tài sản phải thi hành án thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi có quyết định thi hành án hình sự đối với người bị kết án, Toà án nhân dân tỉnh thực hiện, hướng dẫn hoặc chỉ đạo Toà án nhân dân cấp huyện thông báo bằng văn bản đến cơ quan thi

hành án dân sự biết để việc tổ chức thi hành được nhanh chóng, thuận lợi.

Điều 6. Phối hợp trong việc giải thích, sửa chữa bản án, quyết định; thụ lý giải quyết yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự

1. Khi có yêu cầu giải thích, sửa chữa những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định của cơ quan Thi hành án dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh thực hiện, hướng dẫn hoặc chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra bản án, quyết định sửa chữa, giải thích bản án, quyết định theo quy định tại Điều 268, Điều 486 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 365 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 197, Điều 310 Luật Tố tụng Hành chính và Điều 179 Luật Thi hành án dân sự... Cơ quan THADS phải thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Điều 9, 10 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự, thực hiện việc yêu cầu Tòa án giải thích bản án. Căn cứ văn bản trả lời của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án hoặc quyết định thu hồi, sửa đổi bổ sung quyết định thi hành án đã ban hành trước đó theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp Cục Thi hành án dân sự tỉnh nhận thấy, việc giải thích bản án, quyết định của Tòa án chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì tổ chức cuộc họp liên ngành hoặc có văn bản trao đổi với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh để nghiên cứu, thảo luận và thống nhất hướng chỉ đạo giải quyết.

2. Tòa án nhân dân tỉnh thực hiện, hướng dẫn hoặc chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý và kịp thời giải quyết yêu cầu của Cơ quan thi hành án dân sự, đương sự về việc xác định quyền sở hữu, phân chia tài sản hoặc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án phát sinh trong quá trình thi hành án theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 74, Điều 75 Luật Thi hành án dân sự và thông báo cho Cơ quan Thi hành án dân sự biết.

Điều 7. Phối hợp trong chuyển giao, bảo quản vật chứng, tài sản thi hành án dân sự

1. Quyết định chuyển vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phải được gửi cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh và Cơ quan điều tra Công an tỉnh.

2. Căn cứ Quyết định chuyển vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cơ quan điều tra Công an tỉnh quản lý vật chứng có trách nhiệm bàn giao vật chứng đó cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh và gửi biên bản bàn giao cùng các tài liệu kèm theo đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 và Điều 122, Điều 123 Luật Thi hành án dân sự.

Đối với vật chứng là tiền được giao dưới hình thức gói niêm phong, khi cơ

quan Điều tra Công an tỉnh bàn giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh thì phải gửi kèm Kết luận giám định tiền hoặc văn bản xác định của cơ quan chuyên môn (Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước) về tình trạng tiền được niêm phong (số lượng, loại tiền tệ, tiền thật, tiền giả...).

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã kê biên tài sản, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc thu giữ tài liệu khác có liên quan đến việc thi hành án thì khi chuyển giao bản án, quyết định cho Cơ quan thi hành án dân sự, Tòa án phải gửi kèm theo bản sao biên bản về việc kê biên, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc tài liệu có liên quan khác theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật thi hành án dân sự.

4. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ do Cơ quan điều tra đã chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh, khi cần trích xuất vật chứng để phục vụ cho hoạt động tố tụng, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra phải có văn bản đề nghị trích xuất vật chứng gửi Cục Thi hành án dân sự tỉnh. Căn cứ đề nghị trích xuất, Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự tỉnh quyết định việc xuất kho. Việc giao nhận vật chứng được thực hiện tại kho của Cục Thi hành án dân sự tỉnh, cơ quan nào nhận vật chứng thì có trách nhiệm vận chuyển, bảo quản trong quá trình sử dụng vật chứng theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp.

Điều 8. Phối hợp trong công tác thông tin, thu, trả tiền và tài sản thi hành án dân sự

1. Trong quá trình điều tra các vụ án hình sự có yếu tố liên quan đến thi hành án dân sự, thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, tùy theo tính chất cụ thể của từng vụ án, Cơ quan điều tra Công an tỉnh cần chủ động áp dụng biện pháp kê biên, phong tỏa tài sản theo quy định tại Điều 128, 129 Bộ luật Tố tụng hình sự, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xét xử và thi hành án dân sự.

2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh có trách nhiệm thực hiện và chỉ đạo các Chi cục THADS cấp huyện thực hiện việc gửi các quyết định về thi hành án, các thông báo về thi hành án dân sự cho Trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi phạm nhân là người phải thi hành án dân sự đang chấp hành án theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 07/2013/TTLT/BTP-BCA- BTC ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính; phối hợp với Trại giam, nhà tạm giữ Công an cấp huyện thực hiện việc tổng đạt các quyết định về thi hành án dân sự, các thông báo về thi hành án dân sự cho phạm nhân, thu tiền hoặc hoàn trả tiền, giấy tờ cho phạm nhân theo quy định tại Thông tư số 07/2013/TTLT/BTP-BCA- BTC ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính.

3. Công an tỉnh chỉ đạo Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh, trại tạm giam Công an tỉnh, nhà tạm giữ Công an cấp huyện phối hợp với các Cơ quan

thi hành án dân sự thực hiện việc thu, nộp quản lý tiền, tài sản, giấy tờ của người phải thi hành án và trả tiền, tài sản, giấy tờ cho người được thi hành án là phạm nhân theo quy định tại Thông tư số 07/2013/TTLT/BTP-BCA- BTC ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính. Trại tạm giam Công an tỉnh, nhà tạm giữ Công an cấp huyện chủ động thực hiện việc tuyên truyền, vận động người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù tại trại tạm giam, nhà tạm giữ hoặc thân nhân của họ tự nguyện thi hành các nghĩa vụ dân sự.

4. Trại tạm giam Công an tỉnh, nhà tạm giữ Công an cấp huyện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án dân sự biết các trường hợp phạm nhân thuộc trách nhiệm quản lý chưa thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án dân sự trong bản án hình sự bị chết, được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, được đặc xá, miễn chấp hành án phạt tù, đã chấp hành xong án phạt tù, chuyển trại giam quy định tại Điều 6 của Thông tư số 07/2013/TTLT/BTP-BCA-BTC ngày 06/12/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính.

5. Toà án nhân dân tỉnh thực hiện, hướng dẫn hoặc chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện giải thích cho bị cáo hoặc gia đình họ đến Cơ quan thi hành án dân sự tự nguyện nộp tiền, tài sản, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra hoặc để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật đối với phần trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự; kịp thời áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm cấp biên lai thu tiền hoặc biên bản nhận tài sản cho đương sự và thông báo về việc thu tiền, tài sản cho Toà án nơi xét xử vụ án biết.

Điều 9. Phối hợp trong việc xác minh điều kiện thi hành án dân sự

1. Cục thi hành án dân sự tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thường xuyên phối hợp xác minh, phân loại án có điều kiện và chưa có điều kiện thi hành. Đối với các vụ án thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, các vụ án phức tạp, cần phải áp dụng biện pháp cưỡng chế, Chấp hành viên chủ động phối hợp với Kiểm sát viên thực hiện xác minh điều kiện thi hành án để làm cơ sở cho việc tổ chức thi hành án và kiểm sát hoạt động thi hành án.

2. Trường hợp có dấu hiệu mất an ninh, trật tự trong khi thực hiện xác minh điều kiện thi hành án dân sự hoặc khi cần cung cấp các thông tin liên quan đến đương sự, lực lượng Công an các cấp có trách nhiệm phối hợp, bảo đảm an ninh, trật tự và cung cấp thông tin theo đề nghị của Chấp hành viên Cơ quan thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 44 Luật thi hành án dân sự.

Đối với việc tra cứu thông tin về chủ sở hữu của phương tiện giao thông

thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu, cơ quan Thi hành án dân sự gửi văn bản đề nghị tra cứu đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hải Dương hoặc Công an cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu, Phòng Cảnh sát giao thông, Công an cấp huyện có văn bản trả lời cơ quan Thi hành án dân sự.

Điều 10. Phối hợp trong công tác cưỡng chế thi hành án dân sự

1. Cục Thi hành án dân sự tỉnh xây dựng và gửi kế hoạch cưỡng chế cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trước khi cưỡng chế ít nhất 05 ngày làm việc. Đối với các trường hợp cưỡng chế cần huy động lực lượng thì Cục Thi hành án dân sự tỉnh có trách nhiệm tổ chức họp trừ bị, thống nhất ý kiến với các cơ quan, ban, ngành liên quan trước khi ấn định thời gian cưỡng chế.

2. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thực hiện và chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện cử Kiểm sát viên kiểm sát hoạt động cưỡng chế thi hành án dân sự, theo quy định của pháp luật.

3. Công an tỉnh thực hiện và chỉ đạo Công an cấp huyện thực hiện tốt việc phối hợp đảm bảo về an ninh trật tự trong quá trình thực hiện cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30/3/2012 của Bộ Tư pháp và Bộ Công an.

Cơ quan Công an các cấp có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ, thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên trong việc tạm giữ tài sản giấy tờ; trường hợp Chấp hành viên phải ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế quyết định tạm giữ tài sản, giấy tờ, cơ quan Công an các cấp phối hợp thực hiện theo quy định tại các khoản 1 và 3 của điều này.

Điều 11. Phối hợp trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự

1. Đơn khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự được gửi đến cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; cơ quan có trách nhiệm giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thông báo kết quả giải quyết cho cơ quan phối hợp đã chuyển đơn và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để kiểm sát. Trường hợp cần tham khảo ý kiến của cơ quan phối hợp trước khi trả lời khiếu nại, tố cáo thì cơ quan chủ trì có văn bản trao đổi hoặc gửi dự thảo văn bản trả lời để được góp ý trực tiếp.

2. Đối với các vụ việc thi hành án phức tạp, khi đương sự có đơn thư khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh cần phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh để giải quyết, nhằm đảm bảo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Khi ban hành văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự phải gửi cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh để kiểm sát. Trình tự, thủ tục giải quyết đơn thực hiện đúng quy định tại Luật Thi hành án dân sự và Thông tư số 13/2021/TTBTP

ngày 30/12/2021 của Bộ tư pháp về quy định quy trình, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự.

Điều 12. Phối hợp trong việc kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự

1. Cục Thi hành án dân sự tỉnh thực hiện và chỉ đạo các Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện có trách nhiệm gửi đầy đủ, đúng thời gian các Quyết định về thi hành án dân sự, các văn bản cần thiết khác liên quan đến việc tổ chức thi hành án cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ tài liệu về thi hành án khi có yêu cầu của Viện kiểm sát để thực hiện chức năng kiểm sát theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các vụ việc thi hành án dân sự có khó khăn, phức tạp cần phải áp dụng biện pháp cưỡng chế, Cục Thi hành án dân sự tỉnh có văn bản gửi kèm theo hồ sơ vụ việc đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh để trao đổi thống nhất trước khi quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ vụ việc của cơ quan thi hành án dân sự.

3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh gửi cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh quyết định và kế hoạch trực tiếp kiểm sát công tác thi hành án dân sự tại Cục Thi hành án dân sự chậm nhất 15 ngày làm việc, trước khi tiến hành việc kiểm sát theo kế hoạch.

4. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, Cục Thi hành án dân sự và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thực hiện việc đối chiếu số liệu về công tác thi hành án dân sự.

Điều 13. Phối hợp trong việc thi hành thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, các vụ án lớn, phức tạp, khó thi hành

1. Cục Thi hành án dân sự tỉnh có trách nhiệm tham mưu, báo cáo Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tỉnh mời các cơ quan Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan hợp thống nhất biện pháp tổ chức thi hành thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, các vụ án lớn, phức tạp, khó thi hành có ảnh hưởng về chính trị, an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Trên cơ sở đã được thống nhất bằng văn bản, Cục Thi hành án dân sự và các cơ quan phối hợp có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện.

2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Công an tỉnh thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, cấp dưới tăng cường phối hợp trong công tác thi hành án dân sự; kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tỉnh để tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 173 Luật Thi hành án dân sự.

Điều 14. Phối hợp trong quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, rút kinh nghiệm về thi hành án dân sự

1. Việc phối hợp trong quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về thi hành án dân sự được thực hiện theo Quy định, Quy chế hoặc Quy trình hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của các cơ quan phối hợp (nếu có).

2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức họp liên ngành hoặc trao đổi bằng văn bản về quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chung, rút kinh nghiệm về nghiệp vụ thi hành án dân sự hoặc hướng dẫn đối với từng vụ việc thi hành án dân sự cụ thể nếu thấy cần thiết.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước khi tổ chức cuộc họp liên ngành, cơ quan chủ trì phải gửi giấy mời, các tài liệu liên quan đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, tham gia ý kiến.

4. Đối với trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản, cơ quan chủ trì phải nêu rõ thời gian đề nghị cơ quan phối hợp trả lời và phải gửi công văn trao đổi ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan đến cơ quan phối hợp chậm nhất là 10 ngày làm việc trước khi đến hạn trả lời.

5. Đối với những trường hợp đột xuất hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo các ngành, cơ quan chủ trì phải gửi công văn trao đổi ý kiến và các tài liệu liên quan đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu ngay trong ngày làm việc.

6. Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Công an tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc nghiên cứu, tham mưu, đề xuất báo cáo lãnh đạo các ngành phối hợp xem xét, trả lời bằng văn bản đối với công văn trao đổi ý kiến.

7. Trường hợp khó khăn, vướng mắc mà các ngành phối hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì báo cáo Lãnh đạo liên ngành: Bộ Tư pháp (Tổng Cục Thi hành án dân sự), Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Bộ Công an để thống nhất cho ý kiến; văn bản báo cáo liên ngành do Cục Thi hành án dân sự tỉnh soạn thảo.

Điều 15. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Công an tỉnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự để đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, đảm bảo cho công tác thi hành án dân sự đạt hiệu quả.

Điều 16. Phối hợp trong kiểm tra về thi hành án dân sự

1. Mỗi năm ít nhất một lần, Cục Thi hành án dân sự chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Công an tỉnh và các đơn vị liên quan

khác (nếu thấy cần thiết) tiến hành kiểm tra liên ngành về công tác phối hợp trong công tác thi hành án dân sự ở địa phương.

2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị chức năng của các ngành có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra liên ngành về công tác phối hợp trong thi hành án dân sự. Kế hoạch kiểm tra phải xác định rõ nội dung kiểm tra, thời gian, tiến độ thực hiện, phân công trách nhiệm của từng thành viên.

3. Trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc việc kiểm tra, Trưởng đoàn công tác liên ngành thông báo kết quả đến các cơ quan phối hợp, địa phương, đơn vị được kiểm tra để thực hiện những kiến nghị của đoàn.

Điều 17. Phối hợp trong việc xây dựng báo cáo của Cục Thi hành án dân sự về công tác thi hành án dân sự và thống kê liên ngành

1. Trách nhiệm chuẩn bị nội dung báo cáo về công tác thi hành án dân sự.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh có trách nhiệm chủ trì và tổng hợp, xây dựng dự thảo nội dung báo cáo chung về công tác thi hành án dân sự; thống kê, đánh giá kết quả thi hành án về tổng số việc, số tiền phải thi hành án, số việc có điều kiện, không có điều kiện thi hành án, số việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước, tổ chức cán bộ thi hành án và những nội dung khác.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh cần trao đổi, thống nhất về thông tin, số liệu với các cơ quan về các nội dung sau:

- Trao đổi với Công an tỉnh về số liệu có liên quan đến công tác phối hợp bảo vệ lực lượng cưỡng chế; tạm giữ tài sản, giấy tờ và xác minh điều kiện thi hành án; các nội dung có liên quan đến công tác chuyển giao vật chứng...

- Trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh để thống nhất số liệu trong kỳ báo cáo, số vụ việc phải cưỡng chế, miễn, giảm thi hành án, số việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, số liệu các kháng nghị, kiến nghị mà Viện kiểm sát nhân dân đã ban hành.

- Trao đổi với Toà án nhân dân tỉnh để thống nhất số liệu về các bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành, những bản án phải giải thích, sửa chữa; số việc Toà án đã ra quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án; các số liệu có liên quan đến chuyển giao vật chứng, bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xây dựng xong dự thảo báo cáo, Cục Thi hành án có trách nhiệm gửi dự thảo báo cáo cho Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Công an tỉnh để lấy ý kiến vào dự thảo báo cáo, trước khi ký ban hành.

2. Trách nhiệm của các cơ quan phối hợp trong việc xây dựng báo cáo:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Công an tỉnh phải

có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu về các nội dung có liên quan.

Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo do Cục Thi hành án dân sự tỉnh gửi, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Công an tỉnh phải gửi văn bản góp ý về Cục Thi hành án dân sự tỉnh để tiếp thu, hoàn chỉnh báo cáo.

Việc trao đổi, cung cấp thông tin, số liệu được thực hiện bằng các hình thức thư điện tử, gửi văn bản...

3. Cục thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh phối hợp thực hiện trong công tác thống kê liên ngành thi hành án dân sự, thi hành án hành chính theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số 12/2021/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 29/12/2021 của Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể như sau:

- Cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh lập báo cáo thống kê theo Biểu mẫu số 01/TKLN-THADS.

- Cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh lập báo cáo thống kê theo Biểu mẫu số 02/TKLN-THADS, Biểu mẫu số 03/TKLN-THADS.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Thi hành án dân sự và Tòa án nhân dân tỉnh lập báo cáo thống kê Biểu mẫu số 04/TKLN-THADS.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Cục Thi hành án dân sự tỉnh

1. Chủ trì và làm đầu mối trong việc tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Chủ động xây dựng dự thảo chương trình, kế hoạch phối hợp trong công tác thi hành án dân sự.
3. Phối hợp với cơ quan liên quan hoàn thiện và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phối hợp trong công tác thi hành án dân sự.
4. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp.
5. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp.
6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, báo cáo kết quả phối hợp và tổ chức họp liên ngành để tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự.

Điều 19. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Công an tỉnh

Căn cứ vào đề nghị của cơ quan chủ trì, trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ của mình, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Công an tỉnh có trách nhiệm:

1. Tham gia, chỉ đạo trong ngành thực hiện theo tiến độ, đảm bảo chất lượng các nội dung phối hợp.

2. Cử người tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá và tham gia dự thảo, báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp trong lĩnh vực quản lý của mình để xây dựng báo cáo chung theo Quy chế này.

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn thuộc Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh, Công an tỉnh.

1. Các đơn vị chuyên môn thuộc Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp giúp lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Công an tỉnh thực hiện Quy chế này.

2. Giao cho Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án - Cục Thi hành án dân sự tỉnh, phòng Kiểm sát tạm giữ tạm giam và thi hành án (Phòng 8) - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án - Toà án nhân dân tỉnh, phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - Công an tỉnh có trách nhiệm làm đầu mối thường trực giúp lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Công an tỉnh theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện Quy chế này.

3. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án - Cục Thi hành án dân sự tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan đầu mối của Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Công an tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Quy chế, thực hiện sơ kết, tổng kết theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của người được cử tham gia phối hợp

1. Thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo kế hoạch công tác phối hợp của cơ quan chủ trì và báo cáo lãnh đạo cơ quan mình về kết quả phối hợp theo quy định.

2. Tham gia góp ý, chủ động đề xuất các biện pháp phối hợp trong công tác thi hành án dân sự và phải chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phối hợp.

Điều 22. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác phối hợp được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Việc lập dự toán kinh phí đảm bảo cho công tác phối hợp thực hiện trên nguyên tắc cơ quan nào chủ trì xử lý vụ việc thì cơ quan đó đảm bảo kinh phí phục vụ công tác phối hợp.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 và thay thế Quy chế phối hợp số: 57/2014/QCLN-CTHADS-CA-TAND-VKSND ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Cục Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Công an tỉnh Hải Dương.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Cục Thi hành án dân sự tỉnh để tổng hợp, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Công an tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

**CỤC TRƯỞNG
CỤC THI HÀNH
ÁN DÂN SỰ TỈNH**

**VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỈNH**

**CHÁNH ÁN
TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỈNH**

**GIÁM ĐỐC
CÔNG AN TỈNH**



Nguyễn Văn Tuấn



Phạm Văn Quang



Mạc Minh Quang



Bùi Quang Bình

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp, VKSNDTC, TANDTC, Bộ Công an (để b/c);
- Tổng cục THADS (để b/c);
- Thường trực Tỉnh uỷ (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Chỉ đạo THADS tỉnh Hải Dương (để b/c);
- Cục THADS, VKSND, TAND, Công an tỉnh (để p/h);
- Các đơn vị tham mưu thuộc Cục THADS, VKSND, TAND, Công an tỉnh (để t/h);
- Chi cục THADS, VKSND, TAND, Công an các huyện, TP, TX (để t/h);
- Lưu VT: Cục THADS, VKSND, TAND, Công an tỉnh.